

HỒ BIỂU CHÁNH

(1885 - 1958)



THANH LÃNG

HỒ BIỂU CHÁNH

(1885 - 1958)

Thanh Lăng

VĂN số 80
01-5-1967

Hồ Biểu Chánh

Thanh Lãng

Bìa: M.P

*Trình bày: **Muôn Phương***

Nguồn: Internet

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

Hồ Biểu Chánh

THANH LÃNG

HỒ BIỂU CHÁNH

(1885-1958)

HỒ BIỂU CHÁNH LÀ MỘT NHÀ VĂN KỶ CỰU nhất của làng văn Việt Nam. Đời của ông đã nhiều ít trải qua tất cả mọi biến chính quan hệ nhất của lịch sử Việt Nam. Chính năm kinh thành Huế thất thủ là năm ông ra đời (1885) rồi từ đó hết biến chính này đến biến chính khác của thời kỳ thực dân chiếm đóng Việt Nam. Ông được chứng kiến cuộc đảo chính Nhật, cuộc cướp chính quyền của Việt Minh; cuộc chiến tranh tàn sát giữa

Pháp và kháng chiến, cuộc tàn sát giữa quốc gia và cộng sản, cuộc chia đôi đất nước do Hiệp định Genève, việc dân Bắc ào ạt di cư vào Nam lật đổ chính thể quân chủ để thiết lập chế độ Cộng Hòa. Như vậy, Hồ Biểu Chánh đã sống lợp qua cả chiều dài và chiều rộng của lịch sử chiến đấu của dân tộc Việt Nam.

TIỂU SỬ

THỜI NIÊN THIẾU

Hồ Biểu Chánh, tên thật là Hồ Văn Trung, sinh ngày 1 tháng 10 năm 1885, tại làng Bình Thành, tỉnh Gò công. Theo lời của Hồ Văn Kỳ Trân, con trưởng của ông, thì Hồ Biểu Chánh vốn sinh trưởng trong một gia đình nghèo, nhưng nội tổ hồi trước đứng lập làng nên có bảng vị Tiên hiền thờ trong đình thần, và thân phụ được tham

dự trong Ban Hội Tề Hương Chánh lần lên tới chúc hương chủ và chính bái.” (Trích Nhật báo Tự Do số ra ngày 6-11-1958.)

Mãi năm lên tám, Hồ Biểu Chánh mới học vỡ lòng chữ nho tại trường làng. Năm ông lên mười hai, cha mẹ ông rời quán về Chợ Giồng ông Huê, lúc đó mới cho ông đi học quốc ngữ và chữ Pháp tại trường tổng Vĩnh Lợi, rồi sau lại cho xuống học tại trường tỉnh Gò Công. Nơi đây, ông được cấp học bổng để lên học trường Trung học Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn. Cuối năm 1905, ông thi đậu bằng Thành Chung (Diplôme de fin d'études).

ĐỜI CÔNG CHỨC

Năm 1906, là năm được hai mươi một tuổi, ông thi đỗ Ký lục Soái phủ Nam kỳ và từ đó cho tới 1945. ông liên li sống cái đời

bình thường của một công chức, đi từ ký lục lên tới Đốc phủ sứ. Từ 1906-1912, tòng sự tại dinh Hiệp Lý; từ 1912-1913, tòng sự tại Bạc Liêu, Cà Mau; năm 1941, tòng sự tại Long Xuyên; năm 1919 tại Gia định. Năm 1920, làm tại Văn phòng Thống đốc Nam kỳ; cuối năm 1921, thi đậu tri huyện; năm 1927, được thăng tri phủ quận Càng Long (Trà Vinh); năm 1932, chủ quận Ô Môn (Cần Thơ); năm 1934, đổi đi Phụng Hiệp; năm 1935 về Sài Gòn lãnh chức Phó Chủ sự phòng Ba, kiểm soát ngân sách các tỉnh và thành phố. Năm 1936, thăng Đốc Phủ sứ. Đến nửa năm 1936, tính ra đời công chức đã được gần ba mươi năm, ông đệ đơn xin về hưu trí. Ông được chính phủ Pháp cho hồi hưu kể từ đầu tháng giêng 1937, nhưng vì chưa có người thay thế, nên ông phải ở tại chức cho đến năm 1941 mới được thôi. Nhưng chỉ được tự do được ít bữa, vì mồng 4 tháng 8 năm 1941. Pháp lại

cử ông làm nghị viên Hội đồng Liên bang Đông Dương rồi hai mươi sáu tháng đó lại kiêm cả nghị viên thành phố Sài Gòn với chức Phó Đốc lý. Cuối năm 1941, Sài Gòn và Chợ Lớn được sáp nhập làm một, ông lại phải làm nghị viên trong Ban Quản trị Sài Gòn - Chợ lớn cho đến năm 1945. Năm 1946, khi Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng Nam Kỳ quốc, có mời Hồ Biểu Chánh làm cố vấn.

ĐỜI HƯU TRÍ

Từ năm 1946, Hồ Biểu Chánh về hưu tại Gò Công là chốn cố hương. Qua ba mươi lăm năm làm công chức, ông đã được những huy chương sau đây:

- Khuê bài danh dự bằng bạc (28-12-1920)
- Kim Tiền (6-4-1921)

– Monisaraphon (26-8-1924)

– Ordre Royal du Dragon de l'Annam
(25-3-1927) Ordre Royal du Cambodge
(23-9-192_)

– Chevalier de la Légion d'Honneur
(9-8-1941)

Ngày mồng 4 tháng 11 năm 1958, Hồ
Biểu Chánh chết tại biệt thự Biểu Chánh
(Phú Nhuận) hưởng thọ bảy mươi ba tuổi.

ĐỜI VIẾT VĂN

Thực chưa có nhà văn nào sống trùm
lợp tất cả lịch sử văn học mới Việt Nam
như nhà văn Hồ Biểu Chánh. Theo phương
pháp mới, chúng tôi đã chia văn học mới
Việt Nam thành năm thế hệ:

– Thế hệ 1862 (1862-1913): văn học đối
kháng.

– Thế hệ 1913 (1913-1932): văn học cấp tiến.

– Thế hệ 1945 (1945-1954): văn học kháng chiến.

– Thế hệ 1954 (1954- ?): văn học Nam Bắc phân tranh.

Như ta đã thấy và sẽ thấy sau này, những biến cố quan trọng, quyết liệt khai mạc và bế mạc các thế hệ văn học và đánh dấu riêng biệt cho từng thế hệ một. Ít ai có một đời sống bao trùm cả năm thế hệ văn học như Hồ Biểu Chánh.

THUỘC THẾ HỆ 1862 (1862-1913)

Những năm cuối thế hệ 1862, nghĩa là vào khoảng 1906-1913, Hồ Biểu Chánh lúc hãy còn trẻ, nhưng cũng đã sớm tập sự viết văn ...

thiếu 1 dòng

dịch của Tàu. Hồ Biểu Chánh thấy mình cần phải học chữ nho, cho nên nhờ một người bạn dạy dùm. Kịp khi đọc được chữ nho, ông liền chọn những truyện hay trong bộ Tình Sử hay bộ Kim Cổ Kỳ Quan đem dịch ra quốc văn nhan đề là Tân Soạn Cổ Tích. Những dịch thì dịch mà Hồ Biểu Chánh thấy người mình đọc truyện dịch của Tàu không bổ ích là bao nhiêu cho nên ngay từ đầu ông đã mơ tưởng viết truyện Việt cho người Việt đọc. Trước hết ông viết một truyện dài theo thể sáu tám nhan đề là U Tình Lục. Hồi này, Trần Chánh Chiêu cho xuất bản cuốn Hoàng Tố Oanh Hàm Oan là một cuốn tiểu thuyết tình mà vai truyện toàn là người Lục tỉnh. Đọc truyện đó, Hồ Biểu Chánh thấy viết truyện bằng văn xuôi dễ cảm người đọc hơn là văn vần, cho nên ông tập viết những truyện văn mô phỏng truyện của Tây gửi đăng ở mấy tờ báo. Chính trong thời kỳ này, Hồ Biểu

Chánh viết ra hai cuốn tiểu thuyết dài: cuốn *Ai Làm Được* năm 1912, và cuốn *Chúa Tàu Kim Qui*, năm 1913. Ở cuối hai cuốn đó, ta đọc mấy chữ như :

Tự thảo sáng, Cà Mau 1912

Tự nhuận sắc, Sài Gòn 1922

Ngày nay chúng ta chỉ có trong tay những bản đã nhuận sắc năm 1922. Như vậy, những tài liệu về hoạt động văn nghệ của Hồ Biểu Chánh trước năm 1913, quả thật là hiếm hoi. Mặc dầu chưa đủ tài liệu để phác họa bộ mặt của Hồ Biểu Chánh của Thế hệ 1862 (1862-1913), ta cũng đoán được đây là một thời kỳ tập sự của nhà văn họ Hồ. Tên của Hồ Biểu Chánh bị lút bên cạnh những danh sĩ danh văn như Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Phan Chu Trinh, Hoàng Cao Khải...

THUỘC THẾ HỆ 1913 (1919-1932)

Qua thời kỳ tập sự ở những năm cuối thế hệ 1862, Hồ Biểu Chánh bắt đầu trưởng thành ngay từ đầu thế hệ 1913. Ngay từ hồi này, sức làm việc tinh thần của Hồ Biểu Chánh xem ra đã phong phú lắm rồi. Theo chỗ con ông thuật lại, thì từ 1913-1932. Hồ Biểu Chánh đã cho xuất bản cả thảy mười tám cuốn tiểu thuyết. Trong số đó ta có thể kể đến: Ai làm được (1922), Chúa Tầu Kim Qui (1922). Vì nghĩa vì tình (1929), Cha con nghĩa nặng (1929), Khóc thầm (1930), Con nhà giàu (1931), Chút phận linh đình (1931), ...

THUỘC THẾ HỆ 1932 (1932-1945)

Trong thời kỳ này, Hồ Biểu Chánh viết được bốn tuồng hát bội, ba tuồng cải lương và hai mươi ba cuốn tiểu thuyết. Ngoài ra ông còn làm giám đốc tờ báo ĐẠI VIỆT TẠP CHÍ và NAM KỲ TUẦN BÁO.

THUỘC THẾ HỆ 1945 (1945-1954)

Từ 1945, Hồ Biểu Chánh tản cư trót 9 năm ở Gò Công, viết thêm được gần hai mươi cuốn tiểu thuyết nữa. Cũng trong thời kỳ này ông để tâm nghiên cứu văn học, luân lý, tôn giáo.

THUỘC THẾ HỆ 1954 (1954- ?)

Từ sau 1954, Hồ Biểu Chánh không cho in tiểu thuyết mới mà chỉ gửi truyện đăng trong các báo Tiếng Chuông, Sài Gòn Mới. Trong thời kỳ này, ông viết thêm được bốn, năm truyện mới, một ít tập ký ức và ít nhiều bài khảo cứu về lịch sử, về tôn giáo.

HỒ BIỂU CHÁNH CỦA THẾ HỆ 1913 (1913-1933)

Trong bài này chúng tôi chỉ khảo sát các tác phẩm của ông ra đời trong khoảng từ 1913 đến năm 1932 và xác định vai trò của ông trong giai đoạn xây dựng văn học mới này. Nhưng trước khi phác họa từng chi tiết bộ mặt của Hồ Biểu Chánh của thế hệ 1913, chúng ta cần nhận định ngay điều này: đối với Hồ Biểu Chánh, dù ở thế hệ nào mặc lòng. chẳng kỳ thuộc thế hệ 1862 hay thế hệ 1913, hay thế hệ 1952, hay thế hệ 1945, hay thế hệ 1954, ông vẫn giữ hầu y nguyên một bộ mặt; điều thứ hai ta cần nhận định là nhà văn họ Hồ hầu như đứng ở ngoài hẳn các trào lưu tư tưởng, tình cảm, nghệ thuật: khuynh hướng đối kháng thuận hay nghịch của thế hệ 1862, nhất là về những năm 1905-1912 không có tiếng vang ở nơi

ông; phong trào lãng mạn vượt bậc theo kiểu Tuyệt Hồng Lệ Sử hay Tố Tâm của thế hệ 1913 hầu như không vang vọng gì trong sự nghiệp của ông; chủ trương phá phách rầm rộ theo kiểu Đoạn Tuyệt của thế hệ 1932 hầu như ông không biết tới; những sát khí có tính cách tuyên truyền kháng chiến của thế hệ 1945 không len lỏi vào được tác phẩm của ông; và sự bùng nổ, sôi nổi của cuộc tương tàn Nam Bắc của thế hệ 1954 cũng không có chỗ đứng trong sự nghiệp của Hồ Biểu Chánh. Vào thế giới của Hồ Biểu Chánh, cái cảm giác chung mà chúng ta nhận thấy là hình như, ở đây, thời gian như cô đọng lại, không đi, màu sắc không phai, có thể nào buổi đầu thì lúc cuối còn y nguyên vậy. Nói vậy, chúng ta không có ý bảo rằng: Hồ Biểu Chánh thủ cựu, thoái hóa, không có ý chí muốn đổi mới. Nhưng ta chỉ có ý nói rằng cái mới của Hồ Biểu Chánh của năm 1906 với cái mới của Hồ

Biểu Chánh của năm 1956 không khác là bao nhiêu. Ngược lại, ta thấy có những nhà văn như Hoài Thanh của năm 1944, với Hoài Thanh của năm 1947 là hai thái cực, chối bỏ, loại trừ nhau hầu hoàn toàn.

Riêng về thế hệ 1913, hoạt động của Hồ Biểu Chánh quả thực đã to tát quá điều chúng ta ngờ. Điều lạ hơn nữa là tại sao cái sự nghiệp to tát ấy lại quá ư bị chìm lặn bên cạnh những công việc làm lẻ tẻ và kém giá trị như những truyện ngắn của Tương Phố chẳng hạn. Phải chăng vì Hồ Biểu Chánh là người Nam kỳ với cái lối văn mộc mạc, bị tưởng lầm là quê mùa, thô tục. Chứ thực ra Hồ Biểu Chánh bước vào làng văn không muộn gì hơn Nguyễn Văn Vĩnh hay Phạm Quỳnh. Đông Dương tạp chí ra đời năm 1913, nhưng ngay năm 1912 Hồ Biểu Chánh đã có tác phẩm sáng tác. Theo tài liệu của Hồ Văn Kỳ Trân là trưởng nam, thì, nhân việc Trần Chánh Chiêu

xuất bản cuốn Hoàng Tố Anh Hàm Oan bằng văn xuôi với những vai truyện toàn người Lục tỉnh, Hồ Biểu Chánh liền nảy ra ý tưởng bắt chước Trần Chánh Chiếu. Bởi vậy, năm 1912, đúng lúc làm việc tại Cà Mau, Hồ Biểu Chánh viết cuốn Ai Làm Được là cuốn tiểu thuyết đầu tay bằng văn xuôi của ông: nhân vật cũng là người Cà Mau. Năm sau, 1913, đổi lên Long Xuyên, ông viết cuốn thứ hai nhan đề là Chúa Tàu Kim Qui. Sau hai cuốn tiểu thuyết đầu tay trên đây, Hồ Biểu Chánh, trong suốt thời đại chiến thứ nhất hầu như không viết gì thêm ngoài ít hài kịch cho con hát diễn kiếm tiền giúp cho chiến tranh Pháp. Năm 1917, Hội Khuyến học Long Xuyên cho xuất bản Đại Việt tạp chí có mời Hồ Biểu Chánh viết về khoa kinh lý tài. Năm 1918, đổi về Gia Định, Ông viết giúp cho mấy tờ báo như Quốc Dân diễn đàn, Công Luận báo, Đông Pháp thời báo. Nhưng sau

đó, vì báo bị kiểm duyệt quá gắt gao, Hồ Biểu Chánh tạm ngừng hoạt động báo chí. Ông để tâm suy nghĩ và lợi dụng khai thác những kinh nghiệm của mấy năm qua, sửa chữa những sách đã viết và xây dựng thêm nhiều cốt truyện mới. Ông nhuận sắc lại hai cuốn tiểu thuyết viết năm 1912 và 1913, tức là hai cuốn Ai Làm Được, Chúa Tàu Kim Qui, và cho xuất bản năm 1922. Rồi từ đó Hồ Biểu Chánh sáng tác liên miên. Cho đến 1932, tổng số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh lên tới mười tám cuốn.

Tiếc rằng, trong lúc viết tập phê bình này, chúng tôi không có trong tay tất cả các sách của ông ra đời từ 1913-1932. Chúng tôi phải tạm thời dựa vào một mớ tài liệu ít ỏi là các cuốn sau đây : Ai Làm Được (1922), Chúa Tàu Kim Qui (1922), Vì Nghĩa Vì Tình (1929), Cha Con Nghĩa Nặng (1929), Khóc Thầm (1930), Con Nhà Giầu (1931), Chút Phận Linh Đình (1931).

1. AI LÀM ĐƯỢC

Chúng tôi tiếc rằng không có trong tay bản in năm 1912 của cuốn Ai Làm Được mà chỉ có bản đã nhuận sắc năm 1922 cho nên không phê phán được sự khác biệt giữa hai lần in cách nhau mười năm (1912 và 1922).

Ai Làm Được là câu truyện của một cô gái con một vị quan phủ, cô Bạch Tuyết nuôi chí báo thù cho mẹ. Ông Phủ có hai vợ: Vợ cả là mẹ Bạch Tuyết bị người vợ lẽ âm mưu bỏ thuốc độc cho chết. Nhờ một người lão bộc thân tín, Bạch Tuyết, tới mười hai tuổi mới biết chính người dì ghẻ đã giết mẹ nàng. Từ đấy, về phía nàng thì âm thầm tìm mưu cơ để trả thù cho mẹ, còn người dì ghẻ thì lại hết sức chiều chuộng Bạch Tuyết cốt để đoạt cái gia tài kếch xù mà Bạch Tuyết sẽ được thừa kế của ông ngoại nàng. Nhờ vào mưu tính mà nhất là nhờ vào ông ngoại và

người chồng cưới trái ý mẹ ghẻ, Bạch Tuyết đã thoát chết và đem nội vụ ra ánh sáng để trả thù được cho mẹ: bà phủ hai bị tù đầy.

Câu truyện này có nhiều chỗ mô phỏng giống cuốn André Cornelis của P. Bourget. André Cornelis lên chín tuổi thì được biết cha mình đã bị ám sát mà thủ phạm lại chính là cha dượng. Sau nhiều suy nghĩ và tìm tòi, André Cornelis đã đi đến chỗ bắt cha dượng, phải thú nhận tội lỗi và đền tội một cách xứng đáng.

2. CHÚA TÀU KIM QUI

Thủ Nghĩa là vai chính của truyện này. Vì bảo vệ danh tiết cho em gái, Thủ Nghĩa đã thương một tay cường hào. Tên này dứt tiền cho quan trên vu cho Thủ Nghĩa theo đạo Gia-Tô, cho nên chàng bị án chung thân. Trong lúc giam ở trong ngục, Thủ

Nghĩa gặp một chú khách. Hai bên trở nên thân thiết và trước khi chết, chú khách có chỉ cho Thủ Nghĩa biết kho vàng bạc châu báu giấu ở đảo Kim Qui. Sau này, thoát được ngục, Thủ Nghĩa tìm ra đảo Kim Qui, làm chủ cái kho vàng to tát kia. Chàng cải trang làm khách trú đóng tàu đi buôn bán qua các cửa biển từ Thái Lan qua Hương Cảng và Trung Hoa. Từ đó chàng lấy tên là Chúa Tàu Kim Qui. Kết cục chàng đã tiêu được án cũ, báo oán cho những tên bất nhân và trả ơn cho những người đã làm ơn cho chàng.

Truyện này phỏng theo truyện Monte - Cristo của Alexandre Dumas Đại Úy Dantes, là vai chính của truyện Monte - Cristo. Bị Tình nghi là có liên lạc với địch, chàng bị bắt và bị tống ngục. Chàng bị giam mười lăm năm. Chàng cũng bị giam với một linh mục: kỳ dị. Vị linh mục này, trước khi chết, tỏ cho Dantes biết cái kho báu giấu ở

núi Monte Cristo. Lập mưu tị tráo trở với xác chết của vị linh mục, chàng thoát được ngục, tìm đến đảo Monte Cristo làm chủ cả một kho tàng vĩ đại. Từ đó chàng trở nên triệu phú và tự nhận tên là Monte Cristo. Nhờ thế chàng báo oán được tất cả các thù địch cũ và gia ân cho các bạn bè.

3. VÌ NGHĨA VÌ TÌNH

Lý Chánh Tâm và Thái Cẩm Vân lấy nhau sinh được một đứa con trai đặt tên là Lý Chánh Hội. Thằng Hội sinh được mấy tháng thì Lý Chánh Tâm đi du học Pháp, để vợ con ở nhà với bà nội. Chánh Tâm có người em gái lấy phải người chồng không ra làm sao, cho nên sau này dâm ngoại tình với một người bạn trai của Thái Cẩm Vân. Hai bên hay thư từ cho nhau. Nhưng các thư từ của tình nhân gửi đến thì nàng lại xin đề Thái Cẩm Vân để Thái Cẩm Vân trao

cho nàng. Sống ám muội như vậy trong bốn năm và sinh được một đứa con với người tình, Lý Tố Nga – tên người đàn bà tội lỗi kia đâm ra hối hận rồi tự tử chết. Giữa lúc đó thì Lý Chánh Tâm ở bên Pháp về, chàng bắt gặp cái thư có đề tên Thái Cẩm Văn mà trong thư đôi tình nhân lại nói đến đứa con ngoại tình của nhau. Vì sự hiểu lầm đó, Lý Chánh Tâm tưởng rằng con lên bốn tuổi của chàng là con ngoại tình nên chàng đánh vợ gần chết rồi đưa con cho một đứa kẻ trộm vào nhà ban đêm. Thế là từ đấy, đứa con bị ngờ oan của chàng phải sống một cuộc đời phiêu lưu, trôi giạt, khổ sở, vợ chàng đâm ra điên dại, còn chàng thì bơ vơ mất hồn. Nhờ có bạn giác ngộ cho, hai vợ chồng dần dần làm lành và đi tìm được con về.

4. CHA CON NGHĨA NẶNG

Trần Sửu là một nông dân đơn sơ chất phác lấy thị Lưu làm vợ sinh được thằng Tý và con Quyên. Nhưng Trần Sửu thật thà bao nhiêu thì thị Lưu gian dâm bấy nhiêu. Được người ta bảo đích xác là vợ thông gian, Trần Sửu gây gỗ với vợ và vô ý xô vợ ngã chết. Sợ bị truy tố, Trần Sửu trốn mất và ai cũng tưởng chàng đã chết trôi sông. Trong suốt mười mấy năm trời thằng Tý và con Quyên được một nhà giàu nuôi làm con nuôi và đang sắp gây dựng gả bán cho chúng vào nơi quyền quý giàu sang. Giữa lúc ấy thì Trần Văn Sửu vì nhớ con quá phải lần về thăm con. Hai đứa con được gặp cha sung sướng, không những không sự liên lụy mà còn cứu cha cho khỏi án cũ để cha con đoàn tụ vui vẻ.

5. CHÚT PHẬN LINH ĐÌNH

Lê Hiến Vinh và Đoàn Thu Vân đi du học xa nhà, nhân quen biết nhau rồi yêu nhau kết quả là Thu Vân thất thân với Hiến Vinh. Để cứu vãn danh dự, Hiến Vinh cưới Thu Vân làm vợ, trái ý cha, Vì thế chàng bị cha từ. Để chuộc tội với cha, hai vợ chồng bàn tính với nhau và Thu Vân để cho chồng đi du học Pháp để lập sự nghiệp. Tàu chở Hiến Vinh qua Pháp bị tàu Đức đánh đắm và báo đưa tin tất cả hành khách bị tử nạn hết. Thu Vân buồn phiền, bỏ Hà Nội vào Nam Định đem trả cháu cho ông nội chúng rồi tự tử chết theo chồng. Nhưng trên con đường Hà Nội vào Nam mấy mẹ con nàng trôi giạt gian nan không sao tả hết. Nhưng nhờ sự kiên nhẫn, hai mẹ con nàng gặp được ông nội và được ông nội tha thứ quên lỗi xưa, đồng thời lại gặp cả đứa con lưu lạc từ mười mấy năm trước. Đang lúc mẹ con, ông cháu vui mừng thì Hiến Vinh mà

mọi người tin đã chết đắm tàu năm xưa, đột ngột trở về trong cùng một lúc. Thế là cả nhà lại xum họp vui vẻ.

Phê bình về Hồ Biểu Chánh, trước tiên ta cần ngay có hai nhận định sau đây: cùng với phần đông văn nghệ sĩ của thế hệ, ông đã đem nhiều cái mới vào cho thế hệ để làm cho nó có một bộ mặt riêng biệt khác những thế hệ khác, nhưng những cái mới ấy đều là những đặc tính chung cho hầu hết mọi văn sĩ thuộc thế hệ này: ngoài ra, cùng với một vài mầm non, Hồ Biểu Chánh đã có nhiều sáng kiến khác biệt với thế hệ đương thời và báo trước sự chớm nở trong bóng tối một thế hệ mới.

VỀ ĐỀ TÀI

Khác hẳn các tiểu thuyết cổ điển, tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh không còn ưà đặt những vấn đề tài mệnh tương đố, hiếu tình xung đột nữa. Như phân đông các văn gia thuộc thế hệ này. Hồ Biểu Chánh ưà xây dựng những truyện có nhiều tính cách phiêu lưu, động đậy, nhiều tình tiết đau đớn lãng mạn, nhiều cảnh chết chóc thương tâm, nhiều bài đạo đức luân lý khô khan.

Cả năm truyện chúng ta vừa lược thuật trên đây đều minh chứng điều đó. Cả năm truyện đều dồi dào tình tiết phiêu lưu: trong Ai Làm Được, Bạch Tuyết là một thân gái mà đã từng cương quyết ra đi, phiêu giạt để cố tự xây dựng sự nghiệp còn Chí Đại, người yêu của nàng thì đã từng trôi giạt suốt qua Thái Bình dương và Ấn Độ dương để mò vàng; Chúa Tàu Kim Qui, thì tính cách

phiêu lưu càng rõ rệt: Thủ Nghĩa hết phiêu lưu trên đất, vào gông ra cùm, lẩn lút qua hết các tỉnh miền Nam, rồi lại lênh đèn đợc theo duyên hải Thái Bình dương từ Thái Lan qua Trung Hoa; trong Chút Phận Linh Đính thì trong lúc chồng đi du học Pháp bị đắm tàu lênh đèn lưu lạc qua nước người mười mấy năm trường, nàng Thu Văn ở nhà cũng lưu lạc, khổ sở gian truân suốt từ Hà Nội cho đến Trà Vinh, Sa Đéc; Trong Vì Nghĩa Vì Tình, không những cha mẹ chúng lênh đèn. mà đến hai trẻ như thằng Hồi và thằng Quì cũng trôi giạt và say sưa mạo hiểm. Đã có lần thằng Hồi, đứa trẻ mười hai tuổi bảo bạn nó: “Nhựt trình họ biểu phải đi du lịch đặng mở trí khôn, Mà nhớ hôn?” (Hồ Biểu Chánh, Chút Phận Linh Đính, tr. 210.). Trong Cha con Nghĩa nặng, vì trốn tránh tòa án, Trần Văn Sửu đã phiêu giạt hơn mười năm trời. Phiêu lưu, bởi vậy, là đặc tính chung của các cốt truyện

thế hệ này. Ảnh hưởng do các tiểu thuyết của Pháp. Đặc tính thứ hai của tiểu thuyết thời kỳ này là tính cách đau đớn, lãng mạn, nhất là nhiều cảnh chết chóc thương tâm. Trong Ai Làm Được, trong Chúa Tàu Kim Qui, cũng như trong Chút Phận Linh Đình hay Vì Nghĩa Vì Tình, các nhân vật đều chỉ xuất hiện ra để rồi thi nhau mà chết những cách thâm trầm.

Sau hết cùng một truyền thống chung với các nhà viết truyện thế hệ này, Hồ Biểu Chánh cũng để cho chủ trương luân lý đạo đức chi phối cốt truyện rất mạnh. Có điều đạo lý theo các truyện cổ điển có tính cách cao kỳ, lý tưởng, dành riêng cho một thiểu số trưởng giả, còn cái luân lý, đạo đức trong xã hội Hồ Biểu Chánh là cái luân lý, đạo đức thực tiễn, cụ thể của cả một tầng lớp nhân dân.

Nhưng ngoài những cái mới chung

cho cả thế hệ. Hồ Biểu Chánh đã bắt đầu để lộ khá rõ rệt những mầm non báo trước sự thành hình âm thầm của thế hệ sau (1932-1945). Thực vậy, đề tài các truyện của ông nghiêng về thế hệ sau nhiều lắm. Các tiểu thuyết đi trước hay đương thời với Hồ Biểu Chánh, tuy đã mới ở chỗ không mô tả những nhân vật lịch sử xa vời trong khung cảnh chết, không màu sắc: Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn,... đã biết đem lên sân khấu những người đương thời với những màu sắc quen thuộc. Nhưng nó vẫn còn giống tiểu thuyết cũ ở chỗ chuyên tả những hạng người nếu không cao quý trưởng giả, thì cũng là một lớp người đang được xã hội đương thời kính trọng, thêm muốn: giai cấp tiểu công chức. Hồ Biểu Chánh đã bước thêm một bước. Ông không thích người phường phố. Ông quay về đồng ruộng quan sát và phân tích tâm lý của một lớp người còn đang sống ngoài lề

rià của nền văn minh mới, chưa biết đến những phát minh mới lạ của khoa học, chưa bị cám dỗ, lôi hút bởi cái đời xa hoa nơi thị thành, nhất là còn ít kinh nghiệm đối với cái đời tình cảm rạo rực như các vai truyện của Hoàng Ngọc Phách, của Tương Phố. Vai truyện của Hồ Biểu Chánh là những người như bác tá điền Trần Văn Sửu trong Cha Con Nghĩa Nặng. Cái mới thứ hai mà Hồ Biểu Chánh đem vào tiểu thuyết là tính cách hoàn toàn bình dân: bình dân từ tâm tính các nhân vật cho đến khung cảnh trường sở của câu chuyện. Văn minh mới đang làm mất dần đi cái cuộc sống êm đềm, lặng lẽ của đồng quê, tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh là một bức truyền thần ghi lại bộ mặt của một thời.

Một yếu tố mới khác được Hồ Biểu Chánh yêu mến là lòng ham ra đi, đi trên mặt biển. Hầu như truyện nào của ông cũng nhiều ít có những cuộc vượt biển. Đó

là một hoạt động mới hoàn toàn đối với các nhân vật tiểu thuyết Việt Nam. Phải chăng Hồ Biểu Chánh muốn bảo cho người nước mình biết phải ra đi, ra đi mà doanh thương, cạnh tranh với người Tàu...

Ngoài ra, qua sự nghiệp của Hồ Biểu Chánh, một hình thức sống mới được thấy phác họa: cái cuộc sống đen tối, bấp bênh, chui rúc của công nhân. Với những nét tuy chưa đậm đà lắm, nhưng cũng đã thấm thía, nhiều khía cạnh của cuộc đời cái giai cấp mới phát sinh ra do cuộc sống kỹ nghệ tập trung tại các đô thị. Chút Phận Linh Đình, Chúa Tàu Kim Qui, Ai Làm Được... đều đã hé cho ta thấy tình cảnh đau đớn của cái giai cấp làm thân phận loài chuột, chui rúc trong các ngõ hẻm ẩm ướt, chật hẹp, thối tha, thiếu vệ sinh.

Nhưng cái mới nhất mà Hồ Biểu Chánh đem vào tiểu thuyết là án mạng, là tội ác.

Từ đây trở về trước, trong truyện của ta có nhiều lần đề cập đến vấn đề tội ác của phe gian nịnh, nhưng đề cập đến đề mà kết án, để mà luận tội. Chứ ở trong Hồ Biểu Chánh nếu án mạng hay tội ác không được ca ngợi thì ít ra cũng được nhắc đến như mọi tình tiết khác: tội thông dâm, ngoại tình trong Cha Con Nghĩa Nặng, mà nhất là trong Vì Nghĩa Vì Tình Trọng Quý lấy làm hiên ngang đã thuyết phục được Tổ Nga muốn ly dị chồng: Cô không trả lời liền. Cô suy nghĩ đến mấy tuần lễ rồi cô mới viết thư mời qua lên cho cô nói chuyện. Qua lên liền. Cô tỏ hết gia đạo của cô cho qua nghe. Qua khuyên cô phải nên để chồng lập tức đăng qua cưới cô...

– Cô chịu hôn?

– Chịu...

(Hồ Biểu Chánh, Vì Nghĩa Vì Tình, tr. 28.)

Thực là hầu không có cuốn truyện nào của Hồ Biểu Chánh mà không có án mạng hay tội ác, nhất là tội thông dâm, tội ngoại tình.

VỀ CÁCH XÂY DỰNG TRUYỆN

Tương đối với thời đại nó mà xét, truyện của Hồ Biểu Chánh đã được xây dựng cứng cáp vào bậc nhất của thế hệ này. Không nói làm gì đến những truyện ra đời trước hay đồng thời với hai cuốn *Ai Làm Được* hay *Chúa Tàu Kim Qui*, ngay những truyện ra đời sau này như các truyện *Nho Phong* hay *Người Quay Tơ* của Nguyễn Tường Tam, đem so sánh với hai truyện đầu tay của Hồ Biểu Chánh mô phỏng truyện của Tây hết cả. Chúng ta không chối cãi điều đó. Nhưng chúng ta cũng không có quyền chối cãi một thực tại khác đó là không riêng gì Hồ Biểu Chánh mà tất cả các nhà viết truyện trong thế hệ này — và nhiều nhà viết truyện trong

thế hệ sau — đều là mô phỏng của Tây cả.

Hồ Biểu Chánh mô phỏng mà biết chế biến làm cho truyện của ông có màu sắc, khí hậu Việt Nam. Các tình tiết, các phần đoạn được quan niệm, sắp xếp khá chặt chẽ, liên tục hơn truyện của Nguyễn Trọng Thuật nhiều.

VỀ VĂN CÁCH

Có lẽ ở đây Hồ Biểu Chánh mới hơn cả và đã xây dựng cho ông một hướng đi riêng biệt. Không riêng gì văn học cổ điển mà ngay văn học đương thời, văn cách hãy còn trang trọng lắm. Không những tiếng dùng đã dài các mà văn thể cũng hãy còn dài các. Văn thường dùng nhiều nho, thích lối biến ngẫu từng điệp những câu bốn năm chữ. Ấy là chưa nói đến chêm đệm vào giữa văn xuôi những bài văn vần vô lối. Hồ Biểu Chánh là người đầu tiên làm cách mạng: đập vỡ cái khuôn khổ văn chương

đài các giả tạo ấy. Ông đặt vào miệng các vai truyện của ông những ngôn ngữ đơn sơ, chất phác, lắm khi thô tục nữa là khác, Hồ Biểu Chánh đã để tâm quan sát, nghe ngóng và ghi lại được tiếng nói của từng hạng người. Lần đầu tiên, trong tiểu thuyết Việt Nam, người ta thấy giữa bạn bè, giữa vợ với chồng những cách xưng hô bình dân “mày, tao”. Hơn thế, Hồ Biểu Chánh còn là văn sĩ của miền Nam, dùng tiếng địa phương. Văn của ông là văn cùng chung truyền thống với Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký... tức là nói và viết “tiếng A- Nam ròn” là viết tiếng Việt “trơn tuột như lời nói”. Cái chủ trương của Trương Vĩnh Ký cũng là chủ trương của các văn gia miền Nam: chống lối văn đài các miền Bắc. Nhân vụ án chữ Hán, ta đã có dịp được thấy rõ các lập trường đó qua lời tuyên bố của ông NG. H.V: “Khi nước Lăng-sa qua giao thông với nước ta thì trong cõi Nam kỳ nổi lên

một người là ông Trương Vĩnh Ký mượn cái xác la-tin mà đựng cái hồn của tiếng A-Nam còn sót lại. Cái xác la-tin ấy là chữ quốc ngữ bây giờ! Cái hồn của tiếng ta còn sót lại lần lần nhập vào xác mới và trong khoảng năm sáu mươi năm vừa qua rồi, cái xác mới với cái hồn xưa vừa ưa nhau, vừa quen hơi nhau, hiệp sức mà tiêu hóa cái sự phát ách tiếng chết”. (Nam Phong số 16, Oct. 1918, tr. 199.) Phải chăng vì theo lập trường dùng tiếng Việt “trơn tuột như lời nói” ấy mà tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh không được văn giới Bắc Việt chú ý.

Nhưng Hồ Biểu Chánh không phải là con người của các trào lưu mà là của truyền thống. Mặc cho thiên hạ khen chê, ông cứ thẳng băng đường của ông, ông tiến. Các văn gia thế hệ 1913 không thuyết phục được ông đã vậy, ngay đến các văn gia thuộc các thế hệ 1932, hay 1945, hay 1954 cũng không làm sao thay đổi được ông. Qua suốt 73

năm, nhất là qua gần 50 năm hoạt động văn hóa, ông vẫn giữ được nguyên vẹn bản lĩnh của mình đồng thời lại thích ứng được với mọi biến rời, lắm khi trầm trọng, của cuộc sống nhân quần xã hội. Sống trùu lợp mấy thế hệ văn học, mà đối với thế hệ nào ông cũng hầu như đi mon men ở ngoài rìa: ông tạo cho ông một con đường hầu như độc lập, ít khi nháy vào con đường sẵn có của đám đông.

THANH LĂNG

(Trích Tập san văn chương tư tưởng nghệ thuật **VĂN** năm thứ 4 số 80 ra ngày 01 tháng 5 năm 1967 – Tưởng niệm Hồ Biểu Chánh, trang 3-16)

THƠ HỒ BIỂU CHÁNH

L.T.S.- Hầu hết chúng ta ai nấy đều biết Hồ Biểu Chánh là nhà văn, nhưng ít người biết cụ còn làm thơ nữa. Phần thơ của cụ là thơ thù tạc, được gom góp thành ba nhan là Biểu Chánh Văn tập, chưa xuất bản. Chúng tôi trích đăng dưới đây hai bài thơ biểu lộ tấm cương trực của cụ, tuy ra làm quan nhưng không chịu cúi lòn bọn thực dân, Đức liêm khiết của cụ còn thể hiện trong những lời thơ dạy con...

HỒI KINH

Tám năm chủ quận đạo vương tròn,
Mừng đặng về kinh khỏi cúi lòn.
Bủa đức chặn dân hèm đức bạc,
Gìn lòng trượng nghĩa vững lòng son.
Rờ tay ướm thử răng đà rụng,
Vỗ bụng nghe như chí chữa mòn.
Sự nghiệp dựng gậy nay đếm lại:
Mấy pho tiểu thuyết một bấy con.

(21 Janvier 1935)

MỪNG M. NGUYỄN VĂN QUÍ
THI HUYỆN ĐẬU ĐẦU

Mừng bạn Thân Văn chiếm thủ khoa,
Từ đây danh dự rạng sơn hà.

Mười năm đèn sách nên công nghiệp,
Trăm dặm hạc cầm sẵn thú nhà.

Phước hậu đã đành nhờ đức trước,
Thanh cần cũng phải gánh lòng ta.

Thương nhau xin nhớ lời căn dặn,
Tu giác cho tròn đặng giác tha.

MỪNG DI HÌNH CHIẾM
THỦ KHOA TRƯỜNG
VÕ BỊ THỦ ĐỨC

Giặc dã lung tung dữ,
Bỏ văn học võ thủ.
Thi ra chiếm thủ khoa,
Vây khỏi giảm danh dự.
Danh dự nam nhi phải giữ gìn,
Ở nhà nợ nước gọi Di Hình.
Gắn lon thiếu ủy chào sông núi,
Ôm đẫy tú tài nặng sử kinh.
Đao bút chuyển tay phò tổ quốc,
Luân thường đôi bước rạng gia đình.
Cang nhu ứng dụng tùy thời thế.
Trí dũng thanh cần, ấy hiển vinh.

(Gò Công, 20-6-1952)

KHUYÊN CON

Hiển vinh đời loạn, nghĩa không đồng,
Quân tử hiển vinh kia mới mong.
Dua bộ thành danh, danh Mạnh Đức.
Thẳng ngay thành đạo, đạo Châu Công.
Trăng lu cần giữ cho đèn sáng,
Đao đục may nhờ biển vẫn trong.
Nên nhớ câu xưa: “ma bất lẩn”,
Hoa sen bụi nở chẳng lem bùn.

(Gò Công, 13-6-1952)

HỒ BIỂU CHÁNH

(Trích Tập san văn chương tư tưởng
nghệ thuật **VĂN** năm thứ 4 số 80 ra ngày 01
tháng 5 năm 1967 – Tưởng niệm Hồ Biểu
Chánh, trang 17-18)

